

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 04/10/2021
V/v: *Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Đình Tài; bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2021, về tranh chấp “ *Ly hôn và nuôi con* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐ XXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 16/ 9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L – Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn Th, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hà Minh S - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Th, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Hà Minh S kết hôn với nhau ngày 17/12/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc với lý do anh S sử dụng ma túy, chị đã động viên anh đi cai nghiện nhưng đi cai về anh vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và thiếu thốn kinh tế, chị luôn bị áp lực mệt mỏi nên trong năm 2019 và 2020, chị đã hai lần làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, song vì thương con và anh S hứa hẹn sẽ thay đổi nên chị lại rút đơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Minh Đ – Sinh ngày 20/6/2016. Chị có nguyện vọng được nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Minh S trong biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2021, trình bày: Anh và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau ngày 17/12/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc mặc dù không tránh khỏi những va chạm, nên chị L làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí vì muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con trưởng thành. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Minh Đ – sinh ngày 20/6/2016, anh không nhất trí ly hôn nên không có đề nghị gì. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C : Chị Phạm Thị L và anh Hà Minh S có hộ khẩu thường trú tại Thôn Th, xã C và đều có mặt tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì anh chị không báo cáo chính quyền, cháu Đức vẫn ở cùng với bố mẹ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị L được ly hôn anh S; Về con chung: Giao cháu Hà Minh Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: chị L phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Hà Minh S có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Th, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hà Minh S vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa xét xử mặc dù anh đang có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 – BLTTDS, do đó Tòa án xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị L và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không chịu khó làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Minh Đ – Sinh ngày 20/6/2016. Cháu Đ còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, do vậy để ổn định tâm lý cho cháu, nên giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị L. Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Hà Minh S.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung cháu Hà Minh Đ – sinh ngày 20/6/2016. Giao cháu Hà Minh Đ cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số A A/2019/ 0003459 ngày 25/6/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hà Minh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện C;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh